

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **473** /GPMT-UBND

Thái Nguyên, ngày **04** tháng 8 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
(Cấp điều chỉnh lần 01)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 23/7/2025 của UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 82/GPMT-UBND ngày 18/01/2023 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Asea Daeryun Vina;

Xét Văn bản số 22/CV-ASEA ngày 22/7/2025 của Công ty TNHH Asea Daeryun Vina về việc đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của Nhà máy Asea Daeryun Vina;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 78/TTr-SNNMT ngày 25/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Điều chỉnh nội dung Giấy phép môi trường số 82/GPMT-UBND ngày 18/01/2023 của Công ty TNHH Asea Daeryun Vina, có địa chỉ tại Lô CN8-4-2, Khu công nghiệp Điềm Thụy (Khu A) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung về cơ sở

Điều chỉnh thông tin tại mục 1.2, 1.3, 1.4 và 1.7 mục Điều 1 Giấy phép môi trường số 82/GPMT-UBND ngày 18/01/2023 như sau:

1.2. Địa điểm hoạt động của cơ sở: Lô CN8-4-2, Khu công nghiệp Điềm Thụy (Khu A).

1.3. Giấy đăng ký doanh nghiệp số: 4601165268, do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên (nay là Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên) cấp lần đầu ngày 06/3/2014, chứng nhận thay đổi lần thứ 9 ngày 12/9/2023.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số: 8736921303 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên cấp, chứng nhận lần đầu ngày 06/3/2014, chứng nhận thay đổi lần thứ 8 ngày 20/3/2023.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của Nhà máy:

- Tổng diện tích đất sử dụng 12.139,8m² tại Lô CN8-4-2, Khu công nghiệp Diềm Thụy (Khu A).

- Công suất thiết kế:

+ Sản xuất biến thế điện: 4 triệu sản phẩm/năm.

+ Sản xuất và gia công thiết bị kết nối, USB kết nối, cáp kết nối và tất cả các bộ phận khác của thiết bị kết nối sử dụng cho thiết bị điện tử: 600 triệu sản phẩm/năm.

+ Sản xuất, gia công khuôn lắp ráp: 80 tấn sản phẩm/năm.

+ Sản xuất và gia công máy dùng cho thiết bị lắp ráp tự động: 50 tấn sản phẩm/năm.

+ Cho thuê nhà xưởng: Cho thuê một phần diện tích tầng 1 nhà xưởng 1 mới và một phần diện tích nhà xưởng 2 mới.

Chi tiết các nội dung điều chỉnh tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần 01) này. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 82/GPMT-UBND ngày 18/01/2023.

Điều 2. Công ty TNHH Asea Daeryun Vina tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số 82/GPMT-UBND ngày 18/01/2023 và các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường này (cấp điều chỉnh lần 01).

Điều 3. Giấy phép môi trường này (cấp điều chỉnh lần 01) có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký cho đến khi Giấy phép môi trường số 82/GPMT-UBND ngày 18/01/2023 hết hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên và các cơ quan liên quan theo chức năng nhiệm vụ tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường số 82/GPMT-UBND ngày 18/01/2023 và Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Ban Quản lý các KCN tỉnh Thái Nguyên;
- Công ty TNHH Asea Daeryun Vina;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, CNN&XD.

Mạnh_MC

Mạnh_MC

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Loan

Phụ lục
NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **473** /GPMT-UBND
ngày **07** tháng **8** năm **2023** của UBND tỉnh Thái Nguyên)

I. ĐIỀU CHỈNH YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Điều chỉnh thông tin nhà xưởng trong tiểu mục 1.1 mục 1 phần B Phụ lục 1 Giấy phép môi trường số 82/GPMT-UBND ngày 18/01/2023, cụ thể như sau:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước tưới nguội từ công đoạn mài core của dây chuyền sản xuất biến thế điện: thu gom vào bể $0,3m^3$ để sử dụng tuần hoàn, định kỳ thay thế 03 tháng/lần, chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý cùng với chất thải nguy hại (dự kiến khối lượng phát sinh khoảng $0,1m^3$ /lần).

Nước thải từ Nhà xưởng 1 mới gồm nước thải nhà ăn và nước thải sinh hoạt và đơn vị thuê xưởng. Nước thải nhà ăn được dẫn vào bể tách dầu mỡ $2m^3$ bằng bê tông cốt thép, xây chìm theo đường ống PVC D200 có chiều dài khoảng 130m; nước từ nhà vệ sinh xử lý sơ bộ tại 02 bể tự hoại 3 ngăn, tổng thể tích $40m^3$ theo hệ thống đường ống PVC D200, dài khoảng 160m; nước từ chậu rửa chân tay, nước lau rửa sàn thoát theo đường ống PVC D110.

Toàn bộ lượng nước thải từ Nhà xưởng 1 mới dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất $50m^3$ /ngày.đêm sau đó chảy vào hố ga G131 trên tuyến đường RD11, có tọa độ $X = 2374248.843$; $Y = 437059.389$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $106^030'$, múi chiều 3^0).

Nước thải từ Nhà xưởng 2 mới gồm nước thải sinh hoạt của công nhân công ty và đơn vị thuê xưởng (nước từ nhà vệ sinh, nước rửa tay chân, lau sàn...). Nước từ nhà vệ sinh được thu về 01 bể tự hoại 3 ngăn, có thể tích $20m^3$ để xử lý sơ bộ và dẫn theo hệ thống đường ống PVC D200 dài khoảng 20m; nước từ chậu rửa chân tay, nước lau rửa sàn được thu vào hệ thống đường ống PVC có đường kính DN110.

Toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ Nhà xưởng 2 mới dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất $40m^3$ /ngày.đêm chảy vào hố ga G132 trên tuyến đường RD11, có tọa độ $X = 2374250.076$; $Y = 2374250.076$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $106^030'$, múi chiều 3^0).

II. ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

Điều chỉnh giảm nguồn phát sinh bụi, khí thải và điều chỉnh thông tin nhà xưởng có nguồn phát sinh bụi, khí thải; điều chỉnh giảm dòng khí thải; điều chỉnh thông số các chất ô nhiễm trong khí thải tại mục 1 và mục 2 tại phần A Phụ lục 2; điều chỉnh giảm mạng lưới thu gom và công trình xử lý bụi, khí thải tại tiểu mục 1.1, 1.2 và 1.3 mục phần B Phụ lục 2 Giấy phép môi trường số 82/GPMT-UBND ngày 18/01/2023, cụ thể như sau:

A. Nội dung cấp phép xả khí thải

Điều chỉnh nguồn phát sinh bụi, khí thải, dòng khí thải, vị trí xả thải, thông số các chất ô nhiễm trong khí thải tại mục 1 và 2, cụ thể như sau:

1. Nguồn phát sinh khí thải

Điều chỉnh giảm nguồn phát sinh bụi, khí thải từ 21 nguồn còn 18 nguồn tại nhà xưởng 1 mới, cụ thể như sau:

- Gồm 18 nguồn khí thải tại nhà xưởng 1 mới (từ công đoạn hàn thiếc, công đoạn ngâm sơn và công đoạn sửa mối hàn của dây chuyền sản xuất biến thế điện) trong đó:

- + 06 chụp hút tại từ công đoạn hàn thiếc: đường kính 400mm, đường ống nhánh Ø100mm dài 20m, đường ống chính Ø200mm dài 155m, quạt hút công suất 100m³/h đưa về hệ thống xử lý dùng than hoạt tính, thải ra môi trường qua ống thoát khí số 1.

- + 03 chụp hút tại công đoạn ngâm sấy sơn kích thước 1x2m, đường ống dẫn Ø200mm dài 55m, quạt hút công suất 100m³/h đưa về hệ thống xử lý dùng than hoạt tính, thải ra môi trường qua ống thoát khí số 1.

- + 09 chụp hút tại công đoạn sửa mối hàn của dây chuyền sản xuất biến thế sạc điện thoại đường kính 20cm dài 3m, đường ống chính Ø300mm dài 100m, quạt hút công suất 60m³/h phóng không ra môi trường qua ống thoát khí số 2.

- Thành phần ô nhiễm chủ yếu là bụi, hơi dung môi kem hàn, dung môi sơn, toluen, hơi thiếc, hơi đồng.

2. Dòng khí thải và vị trí xả thải

Điều chỉnh giảm dòng khí thải từ 03 dòng xuống còn 02 dòng khí thải, cụ thể như sau: (1) Tại ống thoát khí 1 sau hệ thống xử lý dùng than hoạt tính tương ứng 06 nguồn công đoạn hàn thiếc và 03 nguồn công đoạn ngâm sơn; (2) ống thoát khí số 2 của 09 chụp hút công đoạn sửa mối hàn. Cụ thể như sau:

2.1. Dòng khí thải số 1

- Vị trí xả thải: Sau hệ thống xử lý khí thải dùng than hoạt tính tương ứng 06 nguồn công đoạn hàn thiếc và 03 nguồn công đoạn ngâm sơn.

- Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106⁰30, múi chiều 3⁰): X = 2374353.263; Y = 4370577.414.

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 100m³/giờ.

II. ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

Điều chỉnh giảm nguồn phát sinh bụi, khí thải và điều chỉnh thông tin nhà xưởng có nguồn phát sinh bụi, khí thải; điều chỉnh giảm dòng khí thải; điều chỉnh thông số các chất ô nhiễm trong khí thải tại mục 1 và mục 2 tại phần A Phụ lục 2; điều chỉnh giảm mạng lưới thu gom và công trình xử lý bụi, khí thải tại tiểu mục 1.1, 1.2 và 1.3 mục phần B Phụ lục 2 Giấy phép môi trường số 82/GPMT-UBND ngày 18/01/2023, cụ thể như sau:

A. Nội dung cấp phép xả khí thải

Điều chỉnh nguồn phát sinh bụi, khí thải, dòng khí thải, vị trí xả thải, thông số các chất ô nhiễm trong khí thải tại mục 1 và 2, cụ thể như sau:

1. Nguồn phát sinh khí thải

Điều chỉnh giảm nguồn phát sinh bụi, khí thải từ 21 nguồn còn 18 nguồn tại nhà xưởng 1 mới, cụ thể như sau:

- Gồm 18 nguồn khí thải tại nhà xưởng 1 mới (từ công đoạn hàn thiếc, công đoạn ngâm sơn và công đoạn sửa mỗi hàn của dây chuyền sản xuất biến thể điện) trong đó:

- + 06 chụp hút tại từ công đoạn hàn thiếc: đường kính 400mm, đường ống nhánh Ø100mm dài 20m, đường ống chính Ø200mm dài 155m, quạt hút công suất 100m³/h đưa về hệ thống xử lý dùng than hoạt tính, thải ra môi trường qua ống thoát khí số 1.

- + 03 chụp hút tại công đoạn ngâm sấy sơn kích thước 1x2m, đường ống dẫn Ø200mm dài 55m, quạt hút công suất 100m³/h đưa về hệ thống xử lý dùng than hoạt tính, thải ra môi trường qua ống thoát khí số 1.

- + 09 chụp hút tại công đoạn sửa mỗi hàn của dây chuyền sản xuất biến thể sạc điện thoại đường kính 20cm dài 3m, đường ống chính Ø300mm dài 100m, quạt hút công suất 60m³/h phóng không ra môi trường qua ống thoát khí số 2.

- Thành phần ô nhiễm chủ yếu là bụi, hơi dung môi kem hàn, dung môi sơn, toluen, hơi thiếc, hơi đồng.

2. Dòng khí thải và vị trí xả thải

Điều chỉnh giảm dòng khí thải từ 03 dòng xuống còn 02 dòng khí thải, cụ thể như sau: (1) Tại ống thoát khí 1 sau hệ thống xử lý dùng than hoạt tính tương ứng 06 nguồn công đoạn hàn thiếc và 03 nguồn công đoạn ngâm sơn; (2) ống thoát khí số 2 của 09 chụp hút công đoạn sửa mỗi hàn. Cụ thể như sau:

2.1. Dòng khí thải số 1

- Vị trí xả thải: Sau hệ thống xử lý khí thải dùng than hoạt tính tương ứng 06 nguồn công đoạn hàn thiếc và 03 nguồn công đoạn ngâm sơn.

- Toạ độ vị trí xả khí thải (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực 106⁰30, múi chiều 3⁰): X = 2374353.263; Y = 4370577.414.

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 100m³/giờ.

- Tại công đoạn ngâm sơn: Lắp đặt 03 chụp hút kích thước 1x2m, đường ống dẫn Ø200mm dài 55m, quạt hút công suất 100m³/h đưa về hệ thống xử lý dùng than hoạt tính, thải ra môi trường qua ống thoát khí số 1.

- Tại công đoạn sửa mối hàn của dây chuyền sản xuất biến thể điện: Lắp 09 chụp hút tròn đường kính 200mm dài 3m, đường ống chính Ø300mm dài 100m, quạt hút công suất 60m³/h phóng không trực tiếp ra môi trường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, 02 hệ thống thoát khí của cơ sở đều không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục.

III. ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều chỉnh nguồn, vị trí phát sinh và quy chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung tại mục 1, 2, 3 phần A Phụ lục 3 Giấy phép môi trường số 82/GPMT-UBND ngày 18/01/2023, cụ thể như sau:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Gồm các nguồn: Khu vực lắp ráp giắc cắm điện, khu vực lắp ráp Plug, xưởng biến thể điện, xưởng gia công khuôn lắp ráp, gia công máy

- Nguồn số 1: Hoạt động các thiết bị dây chuyền lắp ráp Plug.
- Nguồn số 2: Hoạt động các thiết bị dây chuyền lắp ráp giắc cắm điện.
- Nguồn số 3: Hoạt động các thiết bị dây chuyền xưởng biến thể điện.
- Nguồn số 4: Hoạt động các thiết bị dây chuyền xưởng gia công khuôn lắp ráp, gia công chi tiết máy.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: Khu vực lắp ráp Plug.
- Nguồn số 2: Khu vực lắp ráp giắc cắm điện.
- Nguồn số 3: Khu vực sản xuất biến thể điện
- Nguồn số 4: Khu vực gia công khuôn lắp ráp, gia công máy.

3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, đến hết ngày 31/12/2026, cụ thể như sau:

- Tiếng ồn:

TT	Từ 6 - 21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

- Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

Kể từ ngày 01/01/2027, tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

- Tiếng ồn:

Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian		
	Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 6h00)
Khu vực E	70	65	60

- Độ rung:

Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian	
	Ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Đêm (22:00~ trước 06:00)
Khu vực D	75	70

IV. CÁC YÊU CẦU VÀ ĐIỀU KIỆN KÈM THEO

Yêu cầu Công ty TNHH Asea Daeryun Vina thực hiện đúng các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục này; tiếp tục thực hiện các nội dung khác của Giấy phép môi trường số 82/GPMT-UBND ngày 18/01/2023 và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.